**BÀI 9: KHÁM PHÁ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**(VĂN BẢN THÔNG TIN)**

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được các nhan đề văn bản khác.
* Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.
* Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; so sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
* Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; thái độ và quan điểm của người viết; đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
* Nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.
* Viết được kết quả báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội.
* Biết trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp; nhận xét đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.
* Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC**

* Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.
* Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS) (nếu có), giấy A4/ A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.
* SGK, SGV.
* Một số tranh, ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung bài học (dùng cho hoạt động mở đầu hoặc các hoạt động hình thành kiến thức mới).
* Phiếu KWL, các PHT,…

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: KHUÔN ĐÚC ĐỒNG CỔ LOA: “NỎ THẦN” KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT**

(Theo Hà Trang)

*Thời gian thực hiện: 03 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

* Bố cục, mạch lạc của VB thông tin; dữ liệu sơ cấp và thứ cấp trong VB thông tin; tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB; việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.
* Cách đọc VB thông tin, trong đó đặc biệt chú ý đến những kĩ năng mới ở lớp 12 như: suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các *dữ liệu* và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB, đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết, đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề VB; đề xuất được các nhan đề VB khác; đánh giá cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong VB; phân biệt dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

* Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
* Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản thông tin*.*
* Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thông tin văn bản.
* Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng thể loại.

**3. Về phẩm chất**:

* Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

* Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT**,** câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.
* Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS) (nếu có), giấy A4/ A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

**2. Học liệu:**

* SGK, SGV.
* Một số tranh, ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung bài học (dùng cho hoạt động mở đầu hoặc các hoạt động hình thành kiến thức mới).
* Phiếu KWL, các PHT,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ *Khám phá những điều chưa biết về Khuôn đúc đồng thành Cổ Loa.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập tương ứng

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs nghe đoạn nhạc, chỉ ra những chi tiết có trong truyện An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy có trong đoạn nhạc?  GV giao nhiệm vụ cho các tổ tìm hiều về thành Cổ Loa, sưu tầm các loại hình ảnh về đồ đồng thời Âu Lạc**.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe yêu cầu từ GV, tìm hiểu để chia sẻ trước lớp  **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời đại diện HS chia sẻ trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.  - GV dẫn vào bài học mới: *Truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu- Trọng Tthủy đã để lại những dấu lịch sử quan trọng cha ông thời kì dựng nước. Những thành tựu mà nhà nước Âu Lạc đạt được – đặc biệt là kĩ thuật đúc đồng, đã trở thành cảm hứng sáng tạo, niềm tự hào của những người dân đất Việt trong quá trình dựng nước và giữ nước.* | - Thành cổ Loa được xây dựng được ở Đông Anh- Hà Nội.  - Thành xây theo hình xoắn ốc. Hiện tại vẫn còn nhiều dấu tích tồn tại.  - Cụm di tích Cổ Loa gắn liền với truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu- Trọng Thủy. Bóc trần các chi tiết hoang đường kì ảo, người đọc thu nhận rất nhiều thông tin hữu ích về quá trình dựng nước, giữ nước và mất nước của Thục Phán An Dương Vương.  **- Tranh ảnh về vũ khí bằng đồng thời cổ đại**  **C:\Users\Acer\Desktop\giai-ma-3-vu-khi-loi-hai-noi-tieng-nhat-than-thoai-viet-nam-Hinh-2.jpg**  **Nỏ thần- Cao Lỗ**  **C:\Users\Acer\Desktop\1.jpg**  **Hộ tâm phiến**  **C:\Users\Acer\Desktop\2.jpg**  **Kiếm ngắn**  **C:\Users\Acer\Desktop\5.jpg**  **Tên đồng** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

– Kích hoạt kiến thức nền về VB thông tin đã học.

– Bước đầu nhận biết được những khái niệm như bố cục, mạch lạc của VB thông tin; dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

1. **Nội dung:** Gv đặt các câu hỏi tìm hiểu về văn bản thông tin.
2. **Sản phẩm:** Phiếu học tập.
3. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  4 Nhóm HS thực hiện những nhiệm vụ học tập sau  1) Liệt kê những điều cần chú ý tìm hiểu khi đọc một VB thông tin.  (2) Đọc các mục *Bố cục, mạch lạc của VB thông tin; dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB* (SGK/ tr. 85 – 86).  (1) Hoàn thành bảng tóm tắt sau: (lưu ý trình bày ngắn gọn dưới dạng từ/ cụm từ).   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **BỐ CỤC, MẠCH LẠC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN** | | | | | | **Bố cục** | | | **Mạch lạc** | | | Khái niệm | | … | Khái niệm | … | | Dấu hiệu nhận biết một số kiểu bố cục cơ bản của VB | Trật tự thời gian | … | Dấu hiệu nhận diện sự mạch lạc của VB | … | | Trật tự không gian | … | | Mức độ quan trọng của thông tin | … | | Trật tự logic | … | | Cách thức xác định bố cục của VB | | … | Cách thức xác định sự mạch lạc của VB | … |   (2) Hoàn thành bảng so sánh sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Dữ liệu sơ cấp** | **Dữ liệu thứ cấp** | | Điểm giống | … |  | | Điểm khác | … | … |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) 🡪 (2).  **B3. Báo cáo thảo luận**  1) Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày những nội dung ĐÃ BIẾT và MUỐN BIẾT THÊM về VB thông tin. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  (2) Sau khi GV nhận xét, kết luận về nhiệm vụ (1), đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày bảng tóm tắt/ bảng so sánh. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  (1) GV nhận xét, đánh giá hiểu biết nền của HS về VB thông tin.  (2) GV nhận xét, hướng dẫn HS xác định những từ khoá ở phần *Tri thức Ngữ văn* liên quan đến các khái niệm cần cho hoạt động đọc hiểu VB. | **1. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin.**  **1.1.Bố cục:**  - Khái niệm: Bố cục là cách sắp xếp, tổ chức các phần của văn bản.  - Có 4 kiểu bố cục cơ bản:  + Trật tự thời gian.  + Trật tự không gian.  + Mức độ quan trọng của thông tin.  + Trật tự logic  **1.2. Mạch lạc:**  **- Khái niệm:** Mạch lạc trong văn bản là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó.  - Dấu hiệu nhận biết sự mạch lạc của văn bản thông tin: Các phần, đoạn, câu trong văn bản đều cùng bàn về một chủ đề và được sắp xếp theo trình tự, bố cục hợp lí.  Cách thức xác định sự mạch lạc của VB**:** Người viết có thể sử dụng hệ thống đề mục, một số từ ngữ cụ thể ứng với từng kiểu bố cục để tạo sự kết nối giữa các phần, đoạn, câu trong văn bản.  **2. Dữ liệu nghiên cứu.**  **2.1. Khái niệm**: là những dữ liệu mà dựa vào đó, người nghiên cứu có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy.  **2.2. Các loại dữ liệu**  - Dữ liệu sơ cấp: là loại dữ liệu nguồn hay dữ liệu gốc, thường chưa được phân tích, diễn giải, xử lí  - Dữ liệu thứ cấp: là loại dữ liệu cung cấp thông tin đã được người viết xử lí, mô tả, tóm tắt, tổng hợp hoặc diễn giải, đánh giá từ những nguồn dữ liệu sơ cấp.  **3. Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.**  - Được trích từ các tài liệu có tính học thuật.  - Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó.  - Có tính minh bạch nếu dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lí, có thể kiểm chứng được.  - Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hoặc chính trị.  - Mới cập nhật hoặc được xuất bản trong thời gian gần nhất.  **4. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.**  - Quyền sở hữu trí tuệ: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp….  - Một số biểu hiện:  + Liệt kê đầy đủ các tài liệu tham khảo đã sử dụng và trình bày tài liệu tham khảo đúng quy cách  + Chú thích trích dẫn và ghi cước chú đúng quy cách  + Tham khảo thông tin từ các nguồn có độ tin cậy cao….. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1 KHUÔN ĐÚC ĐỒNG CỔ LOA: “ NỎ THẦN” KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được**

- Kiến thức về văn bản thông tin.

- Hiện thực hóa những kiến thức nền về văn bản thông tin qua 1 văn bản cụ thể.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu thông tin khái quát về văn bản: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm:** Nội dung khái quát về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc**: HS đọc văn bản nêu các thông tin về tác giả và tác phẩm**.**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  Xác định thể loại của văn bản.  Bố cục của văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs làm việc cá nhân. Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu của GV.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs trình bày cá nhân.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, và dẫn vào bài | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  Hà Trang là một nhà báo có nhiều bài viết rất tâm huyết về những di sản văn hóa của Việt Nam  **2. Văn bản :**  - Thể loại: văn bản thông tin  - Bố cục: 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu …..mảnh nồi nấu, xỉ đồng: Giới thiệu dấu tích khu lò đúc đồng và nhiều mũi tên bằng đá ở di tích Cổ Loa-> cho thấy việc sáng chế ra loại nỏ bắn nhiều mũi tên là có thật  + Đoạn 2: Trong số…..tạm dịch là “ Người” : Giới thiệu về mang khuôn đúc đồng.  + Đoạn 3: Còn lại: Nhận định về thông tin trong văn bản. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Tìm hiểu sâu kiến thức về văn bản thông tin: Bố cục văn bản, các loại dữ liệu, phương tiện phi ngôn ngữ………..

- Thái độ tình cảm của người viết về thông tin trong văn bản.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu văn bản trước và sau khi đọc

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, nhận xét của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT***:* Cá nhân HS đọc thầm VB, tạm dừng ở các thẻ đọc và thực hiện theo nội dung yêu cầu của các thẻ, ghi câu trả lời ngắn gọn vào giấy stick-note và dán vào vị trí thẻ tương ứng. Lưu ý xác định rõ những căn cứ trên VB (bằng cách gạch chân, highlight, đánh dấu,…) giúp em thực hiện yêu cầu của các thẻ đọc ấy.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT:**Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**  – Trường hợp (1): Ứng với từng thẻ câu hỏi, GV có thể gọi 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  – Trường hợp (2): Ứng với từng thẻ câu hỏi, GV có thể yêu cầu HS trình bày và trao đổi câu trả lời với các bạn trong nhóm.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp, thái độ của HS đối với việc đọc. Đối với câu trả lời của HS, GV không đánh giá tính đúng/ sai mà tập trung đánh giá cách thức HS thực hiện các kĩ năng đọc thông qua việc trả lời các câu hỏi.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 HS trả lời câu hỏi 1, 2 (SGK, tr. 91). Gợi ý:  (1) **Câu 1:** Tóm tắt các thông tin chính được trình bày trong VB. Đọc lại mục *Bố cục, mạch lạc của VB thông tin* ở phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK, tr. 85) để xác định (những) kiểu bố cục mà VB đã sử dụng.  (2) **Câu 2:** Dựa trên bố cục đã xác định ở câu 1, xác định độ dài của từng phần VB tương ứng với từng thông tin chính đã xác định. Thông tin chính nào được trình bày với dung lượng nhiều nhất trong VB? Vì sao tác giả lại chọn trình bày thông tin ấy chi tiết nhất? Nhận xét về cách chọn lọc thông tin của VB.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT***:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề dựa trên gợi ý sau:  **Nhiệm vụ 3**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 HS trả lời câu hỏi 3, 4 (SGK, tr. 91). Gợi ý:  (1) **Câu 3:**  – Đọc mục *Dữ liệu nghiên cứu* (SGK, tr. 86), từ đó xác định loại của những dữ liệu nào đã được trình bày trong phần được trích dẫn.  – Xác định mục đích viết của phần VB này.  – Dựa trên mục đích viết và đặc điểm của từng loại dữ liệu, chỉ ra vai trò của loại dữ liệu ấy trong việc thể hiện thông tin chính của VB.  (2) **Câu 4:**  – Xác định mục đích của VB, sau đó chỉ ra (những) dữ liệu, thông tin được sử dụng để thực hiện mục đích ấy.  – Dựa trên những yêu cầu về *tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu nghiên cứu* (SGK, tr. 86) để đánh giá tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của (những) dữ liệu, thông tin trong VB.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT***:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 4**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS trả lời câu hỏi 5 (SGK, tr. 91). Gợi ý: *Bạn biết gì về hiệu quả của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB thông tin?* Sau đó, so sánh hiệu quả biểu đạt của VB trong hai trường hợp: có sử dụng hình minh hoạ (hình 3) và không sử dụng hình ảnh.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề  **Nhiệm vụ 5**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT** Nhóm 2 HS trả lời câu hỏi 6 (SGK, tr. 91). Gợi ý: *Qua mục đích viết của VB, cách chọn lọc dữ liệu, thông tin, cách sử dụng ngôn ngữ,… hãy xác định thái độ của người viết đối với văn hoá dân tộc. Thái độ ấy gợi cho bạn (những) suy nghĩ gì?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề | **II. Khám phá văn bản**  **1. Trước khi đọc**  **1.1. Nhan đề**: Chứng minh nỏ thần trong truyền thuyết An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy là có thật.  **1.2. Nghĩa của từ *“ độc bản”*:** chỉ có 1 bản duy nhất, không có bản thứ 2.  **1.3. Dữ liệu và ý kiến, quan điểm của người viết trong đoạn *“ Trong số mười mang khuôn…….như khuôn đúc, trống đồng”***:  - Dữ liệu: mười mang khuôn đúc mũi tên đồng ba cạnh, 2 mang khuôn mặt ngoài được mài nhẵn và khắc chìm chữ Hán  -Ý kiến/ quan điểm: thời kì An Dương Vương dùng chữ Hán  **2. Sau khi đọc.**  **2.1**. ***Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin***  -Các thông tin chính của VB:  + *Nhà trưng bày khu di tích Cổ Loa … trong tiến trình lịch sử dân tộc*: Giới thiệu khái quát về nơi trưng bày bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa.  + *Những bảo vật này được phát hiện …* *viết là “人”, tạm dịch là “Người”*: Giới thiệu hoàn cảnh phát hiện bộ sưu tập và mô tả chi tiết một số hiện vật trong bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa.  + *Ông Hoàng Công Huy ….Bảo vật Quốc gia theo Quyết định số 2283/QĐ-TTg*: Trình bày dữ liệu cho thấy giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa.  + *Hàng nghìn di vật mũi tên đồng …* *cùng lúc nhiều mũi tên là có thật*: Khẳng định sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử.  - VB đã sử dụng kiểu bố cục sau: trật tự logic, cụ thể như sau:  + Phân loại đối tượng: Miêu tả hiện trạng của di tích lò đúc và mười một mang khuôn đúc bằng đá.  + Quan hệ nhân quả: Giới thiệu về hiện trạng, giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng ở Cổ Loa để khẳng định về sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử  **2.2**. ***Tìm hiểu dữ liệu của văn bản thông tin***  - Người viết chọn trình bày những thông tin miêu tả chi tiết về hình dáng, hiện trạng và giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa 🡪 Lí do chọn lựa: Cung cấp chứng tích vật chất về sự hiện diện của *“nỏ thần”* trong lịch sử, ->khẳng định *“nỏ thần”* là có thật, chứ không phải chỉ có trong truyền thuyết.  - Nhận xét: Thông tin được chọn lọc phù hợp với mục đích của VB, đáp ứng việc thực hiện mục đích ấy.  - Thông tin chính của đoạn văn:  + Nội dung phỏng vấn ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa: Dữ liệu thể hiện ý kiến cá nhân của ông Hoàng Công Huy về giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa, đây người đang trực tiếp chịu trách nhiệm quản lí, bảo tồn bộ sưu tập. Đây cũng là dữ liệu được thu thập trực tiếp bởi người thực hiện bài viết  + Quyết định số 2283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận khuôn đúc đồng Cổ Loa là Bảo vật Quốc gia: dữ liệu sơ cấp.  - Vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin chính của VB: Tăng tính thuyết phục, độ tin cậy của thông tin chính (giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa).  - Dữ liệu mới mẻ, cập nhật vì bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng ở Cổ Loa là những di vật được phát hiện mới nhất (2004 – 2007) trong số những chứng tích được tìm thấy liên quan đến kĩ thuật đúc đồng của người Việt ở giai đoạn Cổ Loa – thời kì An Dương Vương  - Dữ liệu, thông tin có độ tin cậy cao vì được trích xuất từ nhà trưng bày khu di tích Cổ Loa và một số nhận định do ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa cung cấp cùng với Quyết định số 2283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ công nhận bộ sưu tập khuôn đúc Cổ Loa là Bảo vật Quốc gia.  Những hiện vật liên quan đến khuôn đúc đồng Cổ Loa đều có được trưng bày tại Khu di tích Cổ Loa (huyện Đông Anh, Hà Nội).  **2.3.3. *Tìm hiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản***  -Trường hợp VB sử dụng hình minh hoạ (Hình 3): Giúp người đọc:  +Hiểu rõ khái niệm *mang khuôn đúc*, hình dung rõ hơn về mang khuôn đúc mũi tên ba cạnh và mang đúc mũi lao hình cánh én.  + Hình dung rõ hơn về cách người viết mô tả các bộ phận của khuôn đúc và cách người dân Âu Lạc đúc mũi tên đồng.  – Trường hợp VB không sử dụng hình minh hoạ (Hình 3): Người đọc rất khó hình dung và hiểu rõ những nội dung được trình bày trong phần  ***2.4. Tìm hiểu thái độ của người viết.***  Qua VB, người viết thể hiện những thái độ sau: Khẳng định sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử – giai đoạn Cổ Loa, thời kì vua An Dương Vương đóng đô ở Cổ Loa và nhà nước Âu Lạc; tự hào về trình độ kĩ thuật và tư duy bậc thầy của các nghệ nhân luyện kim thời Việt cổ.  ….. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tổng kết lại bài học nhằm giúp học sinh khắc sâu kiến thức.

- Khắc sâu kiến thức về văn bản thông tin.

**b. Nội dung:** Tổng hợp nội dung văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, nhận định của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm việc cá nhân, tổng hợp nội dung văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs làm việc cá nhân.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs trình bày nội dung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời, chốt lại vấn đề.. | **III. Tổng kết**  Văn bản đã mang đến cho người đọc những thông tin quan trọng và mới mẻ về những dấu ấn lịch sử, văn hóa của dân tộc thời Văn Lang- Âu Lạc. Từ những thông tin đó, văn bản khơi dậy ý thức tự hào dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về hình ảnh nỏ thần trong truyền thuyết *An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy.*

**b. Nội dung:** Viết văn bản nêu suy nghĩ về hình ảnh nỏ thần trong Truyền thuyết An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ cho Hs làm việc nhóm đọc Truyền thuyết An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy, viết thành đoạn văn  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs làm việc nhóm.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV chốt ý, bổ sung thông tin. | * Đoạn văn nêu suy nghĩ về hình ảnh nỏ thần trong Truyền thuyết An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Đánh giá, phê bình được VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc

**b. Sản phẩm*:*** Đoạn văn thể hiện suy nghĩ của HS về VB.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS về nhà thực hiện việc viết đoạn theo yêu cầu của câu hỏi 7 (SGK, tr. 92) dựa trên bảng tiêu chí đánh giá đoạn văn như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung | Đoạn văn trình bày được ít nhất hai suy nghĩ của bản thân về hình ảnh nỏ thần trong truyền thuyết *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ* và trong thực tế lịch sử |  |  |
| Hình thức | Thể hiện đầy đủ đặc điểm hình thức của đoạn văn |  |  |
| Đảm bảo dung lượng khoảng 150 chữ |  |  |

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HT***:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày đoạn văn ở tiết học tiếp theo. Các HS khác nhận xét đoạn văn của bạn dựa trên các tiêu chí đã công bố.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**GV nhận xét đoạn văn của HS theo các tiêu chí đã công bố.

**4. Củng cố:**

**-** Nắm được cách thu nhận được những thông tin chính, thông tin chi tiết trong văn bản thông tin.

- Biết cách viết một **văn bản thông tin, triển khai được hệ thống chi tiết trong văn bản thông tin.**

**5. HDVN:** Làm bài tập vận dụng.

- Chuẩn bị văn bản 2.

**ĐỌC VĂN BẢN 2: SỰ Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT VÀ HẬU QUẢ**

**(Trích Mùa Xuân vắng lặng – Rachel Carson)**

*(Thời gian thực hiện: 2 tiết)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề VB; đề xuất được các nhan đề VB khác.

- Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong VB. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB; so sánh được hiệu quả biểu đạt của VB thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và VB thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB; thái độ và quan điểm của người viết; đánh giá, phê bình được VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

- Nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**2. Phẩm chất**

Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

**2. Học liệu:** SGK, SGV

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

- Tạo tâm thế tích cực để HS đọc VB.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem hai hình ảnh liên quan đến bài học yêu cầu HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS dự đoán về nội dung của VB dựa trên nhan đề

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS xem hai hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Những hình ảnh sau gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Trình bày một vài nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng trên.  A group of plastic bottles floating in the water  Description automatically generated  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ tìm câu trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi 1 – 2 HS đại diện trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học  *Thời đại công nghệ 4.0, việc công nghiệp hóa quá mức, lạm dụng nguồn nước đã khiến tình trạng ô nhiễm môi trường nước ở mức đáng báo động. Châu Á có mức độ ô nhiễm cao nhất trên thế giới, tình trạng các chất độc trong nước ở đây cao gấp 3 lần so với chỉ số trung bình trên thế giới. Đáng chú ý đây chỉ là những con số thống kê về thực trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới với nguồn nước bề mặt, còn những nguồn nước ngầm đang bị ô nhiễm cũng chính là vấn đề nan giải của các quốc gia trên thế giới*. | Hình ảnh gợi: Ô nhiễm nguồn nước |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:**  Cá nhân HS đọc thầm VB, tạm dừng ở các thẻ đọc và thực hiện theo nội dung yêu cầu của các thẻ, ghi câu trả lời ngắn gọn vào giấy stick-note và dán vào vị trí thẻ tương ứng. Lưu ý xác định rõ những căn cứ trên VB (bằng cách gạch chân, highlight, đánh dấu,…)  **2. Tác giả**  GV yêu cầu HS đọc SGK và ghi lại những thông tin nổi bật về tác giả.  **3. Tác phẩm**  GV cho HS xem video giới thiệu tác phẩm *Mùa xuân vắng lặng*  [*https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=HJbFdW4e4zc*](https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=HJbFdW4e4zc)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ  **-** HS quan sát, lắng nghe  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV gọi 1-2 HS đại diện trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chốt ý | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Rây-cheo Ca-son là nhà động vật học, nhà nghiên cứu sinh vật biển người Mĩ  - Người ủng hộ công cuộc bảo vệ môi trường thế giới  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Mùa xuân vắng lặng (1962)  - Đây là tác phẩm kinh điển mở đầu cho phong trào bảo vệ môi trường trên toàn thế giới. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB.

- Đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề VB khác.

- Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong VB.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

- Phân tích và đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết.

**b. Nội dung:** Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về văn bản qua các hoạt động: Phiếu học tập, thảo luận nhóm và phát vấn cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập,câu trả lời của cá nhân HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu bố cục, sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ tư duy có đầy đủ thông tin: đề tài, bố cục, nội dung chính của văn bản.  - GV yêu cầu HS nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề và nội dung văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát, hướng dẫn  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV gọi 1 HS đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chốt vấn đề  **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu dữ liệu của văn bản thông tin***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Trước tiên, xác định mục đích của VB. Sau đó, chỉ ra (những) dữ liệu, thông tin được sử dụng để thực hiện mục đích ấy. Đánh giá tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của (những) dữ liệu, thông tin ấy theo những gợi ý trong SGK, tr. 86  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu thái độ của người viết***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc lại phần VB “Ảnh hưởng của hoá chất cótrong nước đến con người”để xác định thái độ và quan điểm của tác giả về vấn đề này. Trên cơở đó, HS trình bày ý kiến của mình và nêu rõ lí do.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Bố cục, sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin**  **- Đề tài, bố cục:**  **Vấn đề: Ô nhiễm môi trường nước**  **(3 phần)**  Bằng chứng về sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt trái đất ở vùng di trú hoang dã quốc gia Tu-li Lây-kơ và Lâu-ơ Cla-mát, Ca-li-phoóc-ni-a  Hóa chất thông qua nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên  Ảnh hưởng của hóa chất có trong nước đến con người  **🡪 Nhan đề phù hợp và khái quát được nội dung của văn bản:** làm rõ thực trạng ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất, cách thức hoá chất gây ô nhiễm và hậu quả của vấn đề này**.**  **- Văn bản trình bày thông tin theo trật tự logic:**  + **Liệt kê**: trình bày những bằng chứng cho thấy không những nước ngầm mà ngay cả nước chảy trên mặt đất như ở các khe suối, sông hay nước tưới tiêu đều đang dần bị ô nhiễm.  + **Quan hệ nhân quả**: Trình bày cách thức mà các loại hoá chất DDT, DDD và DDE thông qua nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên để gây ô nhiễm, làm chết các loài sinh vật và ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.  **2. Dữ liệu của văn bản thông tin**  - Dữ liệu thứ cấp vì đây là dữ liệu do tác giả cung cấp, lấy từ nguồn dữ liệu sơ cấp là một nghiên cứu được thực hiện ở Hà Lan vào đầu những năm 1905  - Dữ liệu và thông tin trong VB có tính mới mẻ, cập nhật ở thời điểm nó ra đời (năm 1962):  + Làm rõ những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường sống do thuốc trừ sâu gây ra  + Bày tỏ sự quan ngại khi chính phủ Mỹ cho phép những hoá chất độc hại được sử dụng tràn lan trước khi chúng được đánh giá chính xác tác động đối với môi trường.  + Nhờ đó, năm 1972, thuốc trừ sâu sử dụng hoá chất DDT đã bị cấm sử dụng ở Mỹ.  **3. Thái độ của người viết**  - Quan ngại, không đồng tình với cách giải quyết một vấn đề nhỏ (tiêu diệt loài muỗi mắt) bằng một cách thức nguy hiểm: sử dụng các hoá chất độc hại gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khoẻ của con người.  - Cất tiếng kêu gọi, cảnh tỉnh mọi người về hậu quả khôn lường mà các hóa chất độc hại gây ra cho môi trường sống. |

**PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học để viết đoạn văn nghị luận xã hội

**b. Nội dung:** Viết tích cực

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những hệ lụy khôn lường của việc ô nhiễm môi trường nước.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, làm việc độc lập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** GV gọi một số học sinh báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn của HS (nếu có sai sót) | Đoạn văn về những hệ lụy khôn lường của việc ô nhiễm môi trường nước. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống thực tiễn

**b. Nội dung:** HS thiết kế poster kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường nước

**c. Sản phẩm:** Poster của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thiết kế 4 poster kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường nước.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ

**B3. Báo cáo thảo luận**

**-** GV gọi một số học sinh báo cáo sản phẩm học tập.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu có sai sót)

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *ĐỢI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN***

**(Trần Đăng Khoa)**

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS nắm được một số nội dung chính của VB.

- Liên hệ, kết nối với chủ điểm văn bản: Khám phá tự nhiên và xã hội.

- HS biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB.

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

**- Năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói và nghe nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt.

+ Năng lực văn học:Năng lực đọc - hiểu văn bản: Thông qua việc tìm hiểu về đặc điểm của văn bản, HS biết cách phân tích những đặc trưng của thể loại văn bản.Năng lực tạo lập văn bản: Biết cách vận dụng kiến thức để viết một bài văn.

+ Năng lực ngôn ngữ:Biết lựa chọn ngôn ngữ khi viết một bài văn. Trình bày kết quả học tập một cách tự tin, có sức thuyết phục.

**3. Về phẩm chất**:

Góp phần hình thành phẩm chất trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

**2. Học liệu:**

- GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn Chuẩn bị phần Đọc - hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để học sinh làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Qua văn bản *Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả* (trích *Mùa xuân vắng lặng*- theo Rây-cheo Ca-son), anh/chị hãy liên hệ môi trường sống xung quanh và cho biết sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và sức khoẻ con người như thế nào?

Chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?

**3. Bài mới:** Từ nội dung bài cũ, GV dẫn dắt vào bài mới, nhấn mạnh chủ điểm: Khám phá tự nhiên và xã hội.

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV cho Hs xem video: **https://www.youtube.com/watch?v=1wr6j9S47Hc**  -GV phát vấn: Nêu cảm nhận của anh/chị sau khi xem video?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS xem video và suy nghĩ, trả lời cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS chia sẻ suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới. | HS xem video và trả lời cảm nhận của bản thân:  - Cuộc sống của những chiến sĩ trên đảo gặp nhiều khó khăn.  - Trân quý và biết ơn những chiến sĩ ở đảo. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS nêu những hiểu biết về tác giả Trần Đăng Khoa  - GV yêu cầu giọng đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, đúng giọng điệu.  - GV gọi một số HS chia sẻ về ấn tượng ban đầu khi đọc văn bản.  - GV phát vấn: Nêu xuất xứ; xác định thể thơ của văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn.  -GV quan sát, động viên.  **B3. Báo cáo thảo luận**  -HS lần lượt trả lời các câu hỏi.  -Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  -GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I.Tìm hiểu khái quát văn bản**  **1. Tác giả:**  - Trần Đăng Khoa sinh ngày 24 tháng 4 năm 1958.  - Quê làng Trực Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.  - Là một nhà thơ, nhà báo, biên tập viên Tạp chí Văn nghệ Quân đội, hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam.  - Từ nhỏ, ông được xem là “ thần đồng thơ ca”  - Tác phẩm: *Từ góc sân nhà em* (1968), *Góc sân và khoảng trời* (1968), *Thơ Trần Đăng* *Khoa* (1970). Ngoài ra, ông còn có các tác phẩm: *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận phê bình, 1998), *Đảo chìm* (tập truyện - ký, 2000)  **2. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ: In trong tập Trần Đăng Khoa, *Thơ chọn* *lọc*, NXB Văn học, 2004, tr 362-364  **-** Thể thơ:Tự do |

**Nội dung 2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tập trung khai thác sự kết nối của văn bản với chủ điểm của bài học 9; làm rõ được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.Chuyển giao nhiệm vụ**  - Lớp trưởng báo cáo việc soạn bài của các thành viên trong lớp.  - GV dành 5 phút để HS trao đổi theo nhóm với những nội dung bài học sinh đã chuẩn bị trước ở nhà.  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần báo cáo sản phẩm của các nhóm trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày báo cáo sản phẩm học tập đã chuẩn bị trước lớp theo nhóm (Giấy A0/ PP).  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **B3.Báo cáo thảo luận**  - Học sinh trình bày sản phẩm đã chuẩn bị  **B4.Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá sản phẩm của học sinh  - Chốt kiến thức trọng tâm | **II. Khám phá văn bản**  *Dự kiến sản phẩm:*  **Câu 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tâm trạng đợi mưa của các chiến sĩ trên đảo**  **Sinh Tồn** | | | | **Những nét tâm trạng** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Biện pháp tu từ** | | Mong ước, khao khát mưa rơi | *thắc thỏm niềm vui không nói hết*, *Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt*; *Mưa cho táo bạo*; *Mắt đăm đăm nhìn về nơi ấy/ Nơi cơn mưa thăm thẳm xa khơi*; *Mặt chúng tôi ngửa lên như đất*; *Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi*;… | Điệp cấu trúc: *Ôi ước gì được thấy mưa rơi*; *Mưa đi! Mưa đi!* | | Hình dung nếu như có mưa rơi | *khao nhau; như con cá rô rạch nước đón mưa rào; không cạo đầu, để tóc lên như cỏ*; *bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt*; *trụi trần nhảy choi choi trên cát, giãy giụa tơi bời trên mặt cát, úp miệng vào tay*;… | Biện pháp so sánh: *cùng gào như ếch nhái uôm uôm khắp đảo*; *giãy giụa tơi bời trên mặt cát*/ *Như con cá rô rạch nước đón mưa rào*;… | | Cảm xúc nếu không có mưa rơi | *Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo; Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão*… | Biện pháp so sánh: *Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong đập trái tim người/ Như đá vững bền, như đá tốt tươi.* | | **Nhận xét:** Cách thể hiện tâm trạng đợi mưa của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn rất đặc sắc: Sử dụng những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tâm trạng hồi hộp, mong chờ, khát khao mãnh liệt một cơn mưa và niềm vui sướng trong tưởng tượng (nếu như có mưa); biện pháp điệp cấu trúc được sử dụng để nhấn mạnh ước mơ cháy bỏng và niềm vui trong tưởng tượng của các chiến sĩ; biện pháp tu từ so sánh thể hiện niềm vui mãnh liệt nếu có mưa rơi và quyết tâm sinh tồn trên đảo của các chiến sĩ dù cho cơn mưa không đến. | | |   **Câu 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Cơn mưa trong tâm tưởng của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn** | **Hoàn cảnh trong thực tế** | | *Những màu mây sẽ thôi không héo quắt*; *đá san hô sẽ nảy cỏ lên xanh*; *đảo xa khơi sẽ hoá đất liền, Mưa như chưa bao giờ mưa, sấm sét đùng đùng*;… | *Cơn mưa thăm thẳm xa khơi, ánh chớp xanh lấp loáng phía chân trời, cơn mưa lớn vẫn rập rình ngoài biển*; *Nhưng làm sao mưa cứ ngại ngùng/ Chập chờn bay phía xa khơi*; *Mưa vẫn dăng màn lộng lẫy phía xa khơi, Mưa yểu điệu như một nàng công chúa*;… | | **🡪 Nguyên nhân các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn mong mưa:** Nếu có mưa thì cảnh quan trên đảo Sinh Tồn sẽ hồi sinh mãnh liệt, cuộc sống của các chiến sĩ sẽ vơi bớt sự khắc nghiệt và vất vả. Ngoài ra, đối với họ, mong mưa trên đảo Sinh Tồn cũng là một niềm vui, niềm hi vọng mãnh liệt. | |   **Câu 3:** Nhan đề “Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn” gợi cho người đọc suy nghĩ đảo Sinh Tồn là một hòn đảo khát thiếu mưa rơi, nằm giữa biển khơi, bao phủ quanh năm chỉ có nắng và gió biển. Vì lẽ đó, hoàn cảnh sống của các chiến sĩ trên đảo rất khó khăn với khí hậu khắc nghiệt, thời tiết nóng bức, thiếu nước sinh hoạt, thiếu màu xanh của cây cối,…  **Câu 4:** Thông điệp mà nhà thơ Trần Đăng Khoa muốn gửi gắm: Chúng ta cần yêu thương và biết ơn công lao của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn; cần có những hành động cụ thể để chia sẻ, giảm bớt những nỗi vất vả, gian lao của các chiến sĩ;… |

**Nội dung 3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:** HS thảo luận cặp đôi để khái quát đặc sắc nội dung và nghệ thuật văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -HS trả lời.  -HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung.  - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ tự do  - Ngôn ngữ hình ảnh giản dị mà giàu cảm xúc.  - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp.  **2. Nội dung**  **-**Vẻ đẹp tâm hồn: lạc quan, kiên cường trước những khắc nghiệt của thời tiết và khó khăn của cuộc sống trên đảo Sinh Tồn.  -Thái độ, tình cảm của nhà thơ với người lính đảo: thấu hiểu và đồng cảm; trân trọng, yêu mến và tự hào. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi, bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Kĩ thuật viết sáng tạo  - Yêu cầu: HS làm việc theo nhóm  + Viết đoạn văn ngắn (khoảng 7-10 câu) nêu cảm nhận về cuộc sống của những chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Làm việc cá nhân, hoàn thiện bài viết.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS đọc những câu văn mình viết.  - HS khác lắng nghe nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | HS chuẩn bị tranh vẽ kết hợp viết đoạn văn theo yêu cầu GV. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập gắn với thực tế.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - HS thảo luận theo nhóm: 4 nhóm  - Học sinh sử dụng phần mềm canvas để viết một văn bản thông tin ngắn gọn về công việc và cuộc sống của những chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động theo nhóm hoàn thiện nội dung yêu cầu.  - GV quan sát, khích lệ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét đánh giá kết quả của HS.  **Dự kiến sản phẩm**  -Dự kiến: Sản phẩm của HS sẽ trả bài vào tiết tiếp theo | HS sử dụng phần mềm canvas để viết một văn bản thông tin ngắn gọn về công việc và cuộc sống của những chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn. |

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: DÒNG MÊ KÔNG “GIẬN DỮ”**

(Theo Hoàng Nam, Thu Hằng, Hoàng Khánh, Thanh Hạ)

*Thời gian thực hiện:0,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Bố cục, mạch lạc của VB; sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề VB.

Cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong VB. Cách phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; Cách nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề VB; đề xuất được các nhan đề VB khác.

– Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong VB. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

– Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB; so sánh được hiệu quả biểu đạt của VB thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và VB thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ. – Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB; thái độ và quan điểm của người viết; đánh giá, phê bình được VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

– Nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

2.2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**3. Về phẩm chất:** Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**:

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

– Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS) (nếu có), giấy A4/ A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

**2. Học liệu:**

– SGK, SGV.

– Một số tranh, ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung bài học (dùng cho hoạt động mở đầu hoặc các hoạt động hình thành kiến thức mới).

– Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Xác định được chủ điểm của bài học; bước đầu nêu được suy nghĩ về chủ điểm của bài học, qua đó tạo hứng thú về chủ điểm Khám phá tự nhiên và xã hội.

**b. Nội dung:** Câu trả lời của học sinh

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập tương ứng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv cho học sinh xem video về tình trạng sạt ở đất ở đồng bằng sông Cửu Long và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi    *Em có nhận xét gì về hiện tượng sạt lở trên sông Mê kông*?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời cá nhân  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và gợi dẫn vào bài mới.  *Vùng đồng bằng lại đánh mất 300 đến 500ha đất mỗi năm, tương đương diện tích của ba sân bóng đá, xuống sông và biển. Các chuyên gia chỉ ra rằng, hầu hết nguyên nhân là do con người tạo ra. Dự báo quãng thời gian người ta có thể tiếp tục sinh sống ở vùng châu thổ lớn thứ ba thế giới là không quá 80 năm. Vì vậy bài báo “****Dòng Mê kông giận dữ****”một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo...* | Học sinh trả lời cá nhân |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

– Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB.

– Nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong VB.

– Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB; so sánh được hiệu quả biểu đạt của VB thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và VB thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ. – Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB; thái độ và quan điểm của người viết; đánh giá, phê bình được VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc

**b. Nội dung:** Nội dung liên quan đến văn bản đọc mở rộng

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cho các câu hỏi Hướng dẫn đọc (SGK, tr. 106).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS thực hiện ở nhà nhiệm vụ:  -Ở nhà, học sinh đọc kĩ VB Dòng Mê Kông “giận dữ” (SGK, tr. 101 – 106) và trả lời câu hỏi Hướng dẫn đọc (SGK, tr. 106), hoàn thành **Phiếu học tập số 1**  **-** Đến lớp**,** cá nhân HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà và chia sẻ theo nhóm đôi.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung, nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét kĩ năng đọc VB của HS | **Câu 1:**  **- *Bố cục của văn bản***  VB trình bày thông tin theo trật tự logic, cụ thể là quan hệ nhân quả  Văn bản nêu hàng loạt dữ liệu nhằm cung cấp thông tin về thực trạng sạt lở bờ sông đáng báo động ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long  nguyên nhân dẫn đến tình trạng sạt lở bờ sông 🡪 hậu quả là dòng sông “phẫn nộ” quyết lấy lại tất cả, kể cả tính mạng của con người.  **- *Mức độ phù hợp giữa nhan đề và nội dung văn bản:*** Nhan đề rất phù hợp và khái quát được nội dung của VB (Tất cả các thông tin chính của VB đều xoay quanh nguyên nhân và hậu quả của việc sạt lở nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long)  - ***Nhan đề khác*** (HS tự đề xuất dựa vào nội dung chính)  Chẳng hạn như:  *Tình trạng sạt lở bờ sông ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long,*  *Nguyên nhân sạt lở nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long,…*  **Câu 2:** Văn bản có ý nghĩa thời sự trong thời điểm hiện tại (những thông tin, dữ liệu trong VB đều có tính mới mẻ, cập nhật (vụ sạt lở ở cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long vào chiều ngày 05/12/2022)  **Câu 3:** Thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của phần văn bản ***Sông đói “ngoạm bờ”***  **Thông tin cơ bản:** Lí do gây nên tình trạng sạt lở bờ sông nghiêm trọng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long  **Thông tin chi tiết:**  - Chi tiết về việc giảm tải lượng phù sa mịn tại nguồn  - Chi tiết về nguyên nhân gây ra vụ sạt lở ở cù lao An Bình  - Chi tiết về những mỏ cát bủa vây hai bên bờ ở cù lao An Bình và những cảnh báo của SIWRR về tốc độ diễn biến xói bồi do tác động của con người.  🡪 Vai trò của các chi tiết trong phần VB ***Sông đói “ngoạm bờ”***: Giải thích rõ hơn tình trạng “đói” cát của những dòng sông ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, lí do vì sao sông đói “ngoạm bờ”.  **Câu 4:** Những từ ngữ như *vết thương, nội soi tổng quát, cơ thể tự nhiên* gợi liên tưởng đến tình trạng tổn thương của cơ thể “*dòng sông*”.  Hiệu quả:  – Miêu tả sinh động những tổn thương mà dòng sông phải chịu đựng trước sự tác động quá mức của con người.  – Góp phần thể hiện thái độ xót xa của người viết, từ đó gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về việc cần bảo vệ thiên nhiên.  **Câu 5:** Nếu VB không sử dụng phương tiện thì người đọc rất khó hình dung cụ thể thông tin được biểu đạt trong một số phần của VB, cụ thể:  Hình 1 cung cấp thông tin chi tiết về tỉ lệ xói bồi bờ sông trung bình trong một năm của giai đoạn 2020 – 2022  Hình 2 cung cấp thông tin trực quan về sự gần gũi giữa vị trí các mỏ cát và vị trí sạt lở ở khu vực cù lao An Bình, Vĩnh Long, năm 2012  Hình 3 giúp người đọc hiểu hơn về cái giá phải trả nếu con người tác động quá mức đến thiên nhiên, cả một diện tích rộng vốn là xóm làng nay đã trở thành một bãi sông rộng phủ kín lục bình.  **Câu 6:** Đề tài văn bản  HS có thể xác định đề tài của VB theo một số gợi ý sau: *tác động của con người đến thiên nhiên, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long,…*  Ý nghĩa của đề tài trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long: thiết thực, cấp bách, giàu tính thời sự, đặt ra vấn đề khai thác, sử dụng các nguồn lợi của sông ngòi ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng bền vững và hiệu quả,…  **Câu 7:** Đánh giá về quan điểm *Mọi tác động qua lại giữa con người và dòng sông đều mang tính nhân quả, có tầm ảnh hưởng liên khu vực:*  (HS có thể đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là hợp lí và thuyết phục) |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| 1. Kiểu bố cục của văn bản? Mức độ phù hợp giữa nhan đề với nội dung của văn bản |  |
| 2. Ý nghĩa thời sự của văn bản? |  |
| 3. Thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của phần văn bản *Sông đói “ngoạm bờ”;* vai trò của các thông tin chi tiết |  |
| 4. Hiệu quả sử dụng của những từ ngữ như *vết thương, nội soi tổng quát, cơ thể tự nhiên*? |  |
| 5. Hiệu quả biểu đạt của các phương tiện phi ngôn ngữ |  |
| 6. Ý nghĩa của đề tài văn bản? |  |
| 7. Đánh giá về quan điểm *Mọi tác động qua lại giữa con người và dòng sông đều mang tính nhân quả, có tầm ảnh hưởng liên khu vực*: |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh khắc sâu hơn nội dung kiến thức

**b. Nội dung:** Kiến thức về văn bản thông tin

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS viết một văn bản thông tin về những nỗ lực khắc phục tình trạng sạt ở ở đồng bằng sông Cửu Long của chính quyền và nhân dân địa phương và báo cáo sản phẩm sau 1 tuần.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm tổ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ trước lớp theo nhóm tổ sau 1 tuần. Các HS khác nhận xét, bổ sung, nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét sản phẩm của học sinh. | Sản phẩm của học sinh theo nhóm tổ. |

**4. Củng cố:** GV yêu cầu HS xem lại tri thức ngữ văn về văn bản thông tin.

**5. HDVN:** HS làm sản phẩm theo nhóm và chuẩn bị bài tiếp theo.

**TIẾNG VIỆT**

**VIỆC TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, SỰ KẾT HỢP GIỮA NGÔN NGỮ VỚI YẾU TỐ PHI NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức:**

- Cung cấp kiến thức về việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu, sự kết hợp giữa ngôn ngữ với phi ngôn ngữ trong văn bản.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

- HS vận dụng kiến thức về các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu trong thực tế cuộc sống.

**2.2. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**3. Phẩm chất**

Chăm chỉ, trung thực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**II. KIẾN THỨC CẦN DẠY**

Việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: SGK, SGV, máy chiếu, micro, bảng, phấn, Laptop

**2. Học liệu**:

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.** **Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Ngày dạy | Sĩ số | Vắng |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1**: **KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

– Tạo tâm thế, hứng thú cho bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:**

- HS nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về kiến thức nền và nhiệm vụ cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  - (1) HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt phần *Tri thức Ngữ văn* để nêu những nội dung muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.  - (2) Cá nhân HS đọcphần *Tri thức tiếng Việt* (SGK/ tr. 86 – 87) và trả lời câu hỏi: *Quyền sở hữu trí tuệ là gì? Nêu một vài biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS trả lời câu hỏi xác định nội dung bài học và nhiệm vụ.  - Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV trả lời thắc mắc của HS (nếu có)và giới thiệu nhiệm vụ học tập tiếng Việt của bài học. | **Câu 1**: Hoàn thành khái niệm sau:  Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ bao gồm …  a. Quyền tác giả  b. Quyền liên quan đến quyền tác giả  c. Quyền sở hữu công nghiệp  **d. Cả a, b, c**  **Câu 2**: Một vài biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu:  a. Liệt kê đầy đủ các tài liệu tham khảo đã sử dụng và trình bày tham khảo đúng quy cách.  b. Chú thích trích dẫn và ghi cước chú đúng quy cách.  c. Tham khảo thông tin từ các nguồn có độ tin cậy cao.  **d. Cả a, b, c** |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI VÀ THỰC HIỆN BÀI TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

***b. Nội dung***: các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***2. Hoạt động thực hiện bài tập***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao bài tập 1, 2, 3 (SGK, tr. 99 – 100) cho 3 nhóm thực hiện  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Các nhóm suy nghĩ và trả lời câu hỏi  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày bài tập được giao  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi lại (nếu có).  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV định hướng, chốt đáp án, nhấn mạnh nội dung bài học, tri thức tiếng Việt. | **2. Thực hiện bài tập**  **Bài tập 1:** Nhóm biên soạn đã dẫn nguồn bài thơ đúng quy cách, phần dẫn nguồn bao gồm những yếu tố theo thứ tự sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Tên tác giả* | *Tên tập thơ* | *Nhà xuất bản* | *Năm xuất bản* | *Trang* |   **Bài tập 2:**  – Chú thích nguồn khi trích dẫn ý tưởng của người khác:  (1) *Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới về lượng rác thải nhựa, tương đương với 1,83 triệu tấn/ năm (Jambeck và cộng sự, 2015).*  (2) *Rác thải nhựa thuộc loại chất thải rắn, đó là những vật chất ở thể rắn được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2020).*  – Chú thích nguồn thông tin khối lượng rác thải thu gom (ở bảng 1) một cách đầy đủ, rõ ràng: “Khối lượng rác thải thu gom: được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Xử lí chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội (Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát, 2020)”.  – Trình bày danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.  **Bài tập 3:**  3a.  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng là hình ảnh.  - Tác dụng:  + Minh hoạ một cách trực quan cho khuôn đúc mũi tên đồng ba cạnh và mũi lao cánh én  + Làm thông tin trong ngữ liệu thêm sinh động, hấp dẫn.  -> Người viết đã chú thích nguồn bằng cách: nêu tên và nguồn của hình 3.  3b.  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng là biểu đồ.  - Tác dụng:  + Minh hoạ một cách trực quan kết quả tính toán giá trị WQI dựa trên kết quả quan trắc trung bình năm giai đoạn 2016 – 2022 trên 9 lưu vực sông ở nước ta  + Làm người đọc dễ hình dung về nội dung VB vàlàm tăng tính hấp dẫn cho VB.  -> Người viết đã chú thích nguồn bằng cách: nêu tên và nguồncủa biểu đồ 4.4. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động luyện tập *Thực hành tiếng Việt***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu để từ đó viết đoạn văn ngắn về một vấn đề nào đó.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung thực hiện các bài tập.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***3. Hoạt động hướng dẫn làm bài tập Từ đọc đến viết***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Vận dụng được tri thức về chủ điểm “Khám phá tự nhiên và xã hội”, đặc điểm và tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong VB thông tin để viết đoạn văn ngắn trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Đoạn văn (khoảng 200 chữ) của HS.  - HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong bảng  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS làm bài và nộp bài đúng thời gian quy định  - HS báo cáo vào tiết ôn tập  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV sửa bài, nhận xét, chốt nội dung | **1. Yêu cầu đoạn văn**   |  |  | | --- | --- | | Hình thức | Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn | | Dung lượng | Khoảng 200 chữ | | Đề tài | Trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ | | Yêu cầu | – Diễn đạt mạch lạc, có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức  – Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu  – Viết đúng yêu cầu về hình thức của một đoạn văn | | Thời điểm báo cáo | Tiết *Ôn tập* |   **2. Luyện tập viết đoạn văn:**  Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ ***Tổng hợp khối lượng rác tại các địa điểm khảo sát tại Việt Nam năm 2020.***  **3. Đoạn văn tham khảo:**  *“Môi trường là nơi chúng ta gặp nhau, là nơi đem lại lợi ích cho mọi người, là điều mà tất cả chúng ta đều chia sẻ” (Lady Bird Johnson).* Thật vậy, môi trường là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các nước trên thế giới hiện nay. Trong đó rác thải nhựa là một vấn đề nghiêm trọng mà chúng ta phải đối mặt. Nhựa là một vật liệu phổ biến và tiện lợi nhưng lại gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Rác thải nhựa không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật. Biểu đồ cung cấp những thông tin về tổng khối lượng rác theo tỉ lệ phần trăm tại các địa điểm khảo sát ở Việt Nam năm 2020. Trong đó: Nhựa chiếm 70%; Kim loại chiếm 3,3%; Thủy tinh chiếm 8,9%; Cao su chiếm 3%; Các loại khác chiếm 14,1% (Rác hỗn hợp: 6,6%; vải/sợi vải: 5,1%; giấy/gỗ: 2,4%). Từ những thông tin biểu đồ cung cấp, ta thấy được lượng rác thải ra từ nhựa chiếm tỉ lệ nhiều nhất, sau đó đến các chất thải khác gồm nhiều loại rác hỗn hợp và vải, giấy/gỗ. Các chất thải từ thủy tinh cũng chiếm lượng lớn. Kim loại, cao su cũng là một phần của rác thải nhựa. Thực tế cho thấy, số lượng rác thải nhựa rất lớn. Vậy nên, chúng ta cần nhận thức đúng về tác động của rác thải nhựa và thực hiện các biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu việc sử dụng nhựa và tái chế rác thải nhựa.  Chỉ khi chúng ta nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp cụ thể, chúng ta mới có thể đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp cho thế hệ tương lai. Bởi môi trường là lá phổi xanh của trái đất. |

**4. Củng cố:** Nhận diện các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.

**5. HDVN:** Chuẩn bị tiết sau: ***Dạy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội***

**PHẦN VIẾT**

## **VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

## **VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

## *Thời gian thực hiện: 3 tiết*

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Biết viết VB đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

– Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng.

**2. Phẩm chất**

Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**II. KIẾN THỨC CẦN DẠY**

–Đặc điểm của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

– Cách viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Máy chiếu, micro, bảng, phấn, SGK, SGV.

## IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ:*** HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (SGK/ tr. 85), đề mục phần kĩ năng viếtvà trả lời câu hỏi sau: *Dựa vào yêu cầu cần đạt và đề mục phần kĩ năng viết, hãy cho biết ở bài học này bạn sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào.* \* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo, thảo luận: 1 – 2 HS nêu câu trả lời trước lớp.\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, từ đó, xác nhận lại nhiệm vụ học tập ở bài học này là viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. | Ở bài học này, HS sẽ thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. |

### 2. Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về kiểu bài

***a. Mục tiêu:*** Liệt kê được những tri thức đã học về kiểu bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

***b. Sản phẩm:*** Phần nội dung ghi chép của HS về những điều đã biết về kiểu bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ:*** Cá nhân HS liệt kê ra giấy (trong 1 phút) những điều đã biết về kiểu bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể dựa trên những câu hỏi gợi ý sau:  - *Mục đích viết của kiểu bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu là gì?*  *- Thế nào là một báo cáo kết quả nghiên cứu đạt yêu cầu?*  *- Để thực hiện một báo cáo kết quả nghiên cứu, chúng ta cần thực hiện những bước nào, thao tác cụ thể gì ở từng bước?* \* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày ý bằng giấy note hoặc giấy tập.\* Kết luận, nhận định: GV tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. GV nhấn mạnh: Kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu HS đã được học ở các lớp 10, 11 và ở lớp 12, HS sẽ tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết kiểu bài này, tuy nhiên, học thêm cách sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ. | Cá nhân HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của bản thân về kiểu bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết được khái niệm, yêu cầu, bố cục của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của nhóm HS về khái niệm, yêu cầu, bố cục của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ:*** Nhóm 2 HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* (SGK/ tr.107) và thực hiện các nhiệm vụ:  *– Xác định những thông tin cơ bản liên quan đến khái niệm, yêu cầu, bố cục của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.*  *– Hãy nêu ít nhất một điều bạn chưa rõ về những thông tin trên (nếu có).* \* Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. HS nêu câu hỏi cần giải đáp (nếu có).\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo nội dung được định hướng (SGK/ tr.107). | *Khái niệm:* Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng đã thu thập từ quá trình khảo sát thực tế, thu thập và phân tích dữ liệu/thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.  *Yêu cầu đối với kiểu bài:*   * Xác định được đề tài và câu hỏi nghiên cứu. * Thực hiện được các thao tác cơ bản * Trình bày được đầy đủ, sáng rõ và thuyết phục các kết quả nghiên cứu bằng văn phong khoa học. * Sử dụng, phân tích được đa dạng loại dữ liệu trong nghiên cứu, xác định được tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu nghiên cứu. * Sử dụng phù hợp các trích dẫn, cước chú, các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ…) để làm rõ thông tin. * Trình bày phần tài liệu tham khảo đúng quy cách. * Bố cục gồm các mục: tên đề tài/nhan đề; tóm tắt; từ khóa; mở đầu; nội dung chính; kết luận; tài liệu tham khảo; phụ lục (nếu có). |

### 2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu bài

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc, phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *\* Giao nhiệm vụ*:  **-** Gọi 1 HS đọc ngữ liệu (SGK/ tr. 108 – 112).  - Nhóm 2 HS thảo luận, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo (SGK/ tr. 112).  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS và các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chốt vấn đề. | **Câu 1:** Đề tài của bài báo cáo là *thực trạng phát sinh và giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại một địa phương cụ thể*. Bố cục của bài báo cáo là:  – Nhan đề: *Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát*, *quận Bắc Từ Liêm*, *thành phố Hà Nội.*  – Tóm tắt: *Trong nghiên cứu này… quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*.  – Từ khoá: *Rác thải nhựa*, *nhựa, nguồn phát sinh rác*, *quản lí môi trường*, *Thượng Cát.*  – Mở đầu: *Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới* … *Nghiên cứu được thực hiện với 7 tổ dân phố và 2 587 hộ gia đình của phường Thượng Cát.*  – Nội dung chính: 2.1. Khái niệm *rác thải nhựa*, 2.2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất (*2.2.1. Thành phần và khối lượng rác thải nhựa theo từng nguồn*, *2.2.2. Khối lượng rác thải nhựa phát sinh tại phường Thượng Cát*, *2.2.3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát*).  – Kết luận: Kết luận và kiến nghị.  – Tài liệu tham khảo.  **Câu 2:**  – Câu hỏi nghiên cứu: *Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại phường Thượng Cát như thế nào? Cần có giải pháp nào để nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại địa phương?*  – Phương pháp nghiên cứu: 1. Xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với khu dân cư, nhà hàng, cơ quan công sở; 2. Xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với chợ dân sinh và khu công cộng; 3. Kết hợp với phỏng vấn, điều tra khảo sát.  – Phạm vi nghiên cứu: 7 tổ dân phố và 2 587 hộ gia đình của phường Thượng Cát.  **Câu 3:** Những loại dữ liệu được sử dụng trong bài báo cáo:  – Dữ liệu sơ cấp: Kết quả khảo sát khối lượng và thành phần rác thải nhựa theo từng nguồn như *khu dân cư*, *nhà hàng*, *chợ*, *khu cơ quan*, *từ các hoạt động quét đường và các khu công cộng*,…  – Dữ liệu thứ cấp: Báo cáo tổng kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2019, 2020 trên địa bàn phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; kết quả nghiên cứu của các tác giả như Jambeck, J.R., Geyer, R., Wilcox, C., Siegler, T.R., Perryman, M., Andrady, K.L. (2015);…   * Vai trò của những loại dữ liệu ấy:   – Dữ liệu sơ cấp: Cung cấp bằng chứng tin cậy cho những nhận định, đánh giá của nhóm nghiên cứu hiện trạng phát sinh nguồn rác thải nhựa tại phường Thượng Cát, cho việc nhóm nghiên cứu xác lập cách hiểu về khái niệm *rác thải nhựa*; tạo cơ sở tin cậy.  – Dữ liệu thứ cấp: Cho phép người nghiên cứu thu thập thông tin về thực trạng xử lí rác thải nhựa của Việt Nam trong mối tương quan so sánh với thế giới, khối lượng rác thải thu gom được trên địa bàn phường Thượng Cát.  **Câu 4:** Các thông tin do báo cáo cung cấp có tính cập nhật, độ tin cậy và khách quan cao vì:  – Được trích từ các tài liệu có tính học thuật như tạp chí khoa học chuyên ngành (*Science, 347 (6223)*); báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát*); VB quy phạm pháp luật, hướng dẫn của cơ quan quản lí nhà nước…  – Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó (nhóm nghiên cứu công tác tại TrườngĐại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội) và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó (báo cáo được đăng trên Tạp chí *Môi trường*).  – Có tính minh bạch vì dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lí, có thể kiểm chứng được.  – Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hay chính trị.  – Mới cập nhật vì các dữ liệu, thông tin đều được thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2020. Thời điểm bài báo cáo công bố là năm 2021, vì vậy những dữ liệu, thông tin được trình bày trong bài báo cáo trên đều mới và được cập nhật.  Từ những yếu tố trên có thể kết luận các thông tin do bài báo cáo trên cung cấp có tính cập nhật, độ tin cậy và khách quan cao.  **Câu 5:** Danh mục các tài liệu tham khảo trong bài viết này đã được trình bày theo đúng chuẩn APA.  **Câu 6:** HS tự thực hiện.  **Câu 7:** Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo là biểu đồ và bảng biểu. Tác dụng: hỗ trợ biểu đạt trực quan, sinh động nội dung trình bày và cung cấp thêm một số thông tin mà phương tiện ngôn ngữ chưa trình bày trong báo cáo. HS tự rút ra một số lưu ý khi trình bày các phương tiện ấy trong bài viết. |

**3. Hoạt động tìm hiểu về quy trình viết và các tiêu chí đánh giá báo cáo**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết được những thao tác cần làm và lưu ý khi thực hiện quy trình viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

– Xác định được các tiêu chí đánh giá báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; hệ thống các tiêu chí đánh giá bài viết.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung cần tìm hiểu thêm về các bước của quy trình viết (nếu có).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ:*** Nhóm 2 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Đọc phần *Thực hành viết theo* *quy trình* (SGK/ tr. 113 – 116), sau đó xác định: *Thao tác mới về việc viết báo cáo kết quả nghiên cứu mà bạn học được/ cần chú ý thực hiện ở bài học viết này là gì? Bạn cần được hỗ trợ/ giải thích rõ hơn về bước/ thao tác cụ thể nào của quy trình viết mà SGK đã trình bày?*  (2) Đọc nội dung của bảng kiểm (SGK/ tr. 115 – 116), tìm hiểu các tiêu chí đánh giá bài viết và xác định những tiêu chí cần được giải thích thêm (nếu có); đề xuất những nội dung cần bổ sung, điều chỉnh (nếu có) và lí do của việc đề xuất.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ. \* Báo cáo, thảo luận: 1 – 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét.\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ các nhóm, hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu một số nội dung chưa rõ, cần được giải thích thêm về quy trình, các tiêu chí đánh giá báo cáo kết quả nghiên cứu. | Ở bài học này, khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu, HS cần chú ý khi thu thập dữ liệu, thông tin cho nghiên cứu cần chú ý sử dụng kết hợp cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; chú ý đảm bảo tính mới mẻ, cập nhật và độ tin cậy cao của thông tin; khi trình bày kết quả báo cáo cần kết hợp sử dụng kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả trình bày,…Cách sử dụng bảng kiểm trong và sau khi viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG: VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

**1. Hoạt động xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc, thu thập tư liệu**

***a. Mục tiêu:***

– Xác định được đề tài, đối tượng, mục đích của báo cáo.

– Thu thập được tư liệu cho nghiên cứu

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về đề tài, đối tượng, mục đích và kết quả thu thập tư liệu cho nghiên cứu; bảng phân công công việc cho toàn bộ tiến trình thực hiện báo cáo.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ*:** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện những nhiệm vụ sau để chuẩn bị viết:  - Xác định được đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc, câu hỏi và phương pháp nghiên cứu bằng cách hoàn thành phiếu sau:  **PHIẾU HỌC TẬP**  - Thu thập tư liệu theo hướng dẫn của SGK (tr. 113 – 114). Trình bày kết quả vào giấy nháp.  Tên nhóm:  Tên đề tài:  Người đọc có thể là:  Bài viết này có thể được công bố ở:  Mục tiêu nghiên cứu là:    Câu hỏi nghiên cứu là:  Phương pháp nghiên cứu là:  Phạm vi nghiên cứu:    **-** Lập bảng phân công công việc cho toàn bộ tiến trình thực hiện báo cáo.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp.  ***\* Báo cáo, thảo luận*:**  Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác trao đổi.  ***\* Kết luận, nhận định*:** GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. GV đánh giá theo một số tiêu chí sau: thông tin trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ; danh mục tài liệu đa dạng; nguồn tài liệu rõ ràng, đáng tin cậy; tài liệu cập nhật, mới mẻ;… | Phần trình bày thông tin tìm hiểu được của các nhóm HS. |

**2. Hoạt động phác thảo đề cương nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu**

***a. Mục tiêu:*** Phác thảo được đề cương nghiên cứu, thực hiện được việc nghiên cứu.

***b. Sản phẩm:*** Bảng phác thảo đề cương nghiên cứu, dữ liệu thu thập được, kết quả phân tích dữ liệu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ*:** Nhóm HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Trên lớp: Phác thảo đề cương nghiên cứu bằng cách hoàn thành các nội dung sau:  **NỘI DUNG PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU**  Tên đề tài:  Lí do chọn đề tài:  Mục đích nghiên cứu:  Câu hỏi nghiên cứu:  Cơ sở lí thuyết:  Các dữ liệu cần thu thập:  Phương pháp thu thập dữ liệu:  Nội dung các chương/ mục của báo cáo nghiên cứu:   Danh mục tài liệu tham khảo………………………………... (2) Trên lớp: Phác thảo cơ sở lí thuyết để làm căn cứ khảo sát thực trạng hoặc thực nghiệm giải pháp đề xuất nhằm cải tiến thực trạng.  (3) Ở nhà: Thu thập dữ liệu cần cho nghiên cứu theo hướng dẫn trong SGK, tr. 113 – 114; Phân tích, xử lí dữ liệu.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo trình tự từ (1) 🡪 (3).  ***Lưu ý:*** Sau khi thực hiện mỗi nhiệm vụ, HS trình bày sản phẩm trên lớp học trực tiếp vào tiết học tiếp theo, thực hiện đánh giá chéo. Sau khi nghe nhận xét, góp của GV và các nhóm HS khác, từng nhóm chỉnh sửa và thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.  ***\* Báo cáo, thảo luận*:** Các nhóm trình bày đề cương nghiên cứu, dữ liệu thu thập được, kết quả phân tích dữ liệu trên lớp học trực tiếp ở tiết học kế. Các nhóm đánh giá chéo lẫn nhau.  ***\** *Kết luận, nhận định*:** GV nhận xét, góp ý cho đề cương nghiên cứu, kết quả thu thập, phân tích, xử lí dữ liệu của HS. GV chú ý nhận xét, góp ý kết quả thực hiện cho từng nhiệm vụ của HS; trên cơ sở đó HS điều chỉnh để thực hiện những nhiệm vụ tiếp theo. | GV hướng dẫn HS phác thảo đề cương nghiên cứu hợp lí để HS có kiến thức hoàn chỉnh về kiểu bài. |

**3. Hoạt động viết báo cáo nghiên cứu (ở nhà)**

***a. Mục tiêu:***

– Viết được báo cáo nghiên cứu.

– Bước đầu nhận ra ưu, nhược điểm trong bài viết của nhóm mình và nhóm bạn.

***b. Sản phẩm:*** Báo cáo của nhóm HS.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* *Giao nhiệm vụ*:** Các nhóm viết báo cáo dựa trên đề cương, kết quả phân tích dữ liệu thu thập được. Trong khi viết, chú ý nội dung hướng dẫn của SGK, tr. 115 và đối chiếu với bảng kiểm (SGK, tr. 115 – 116)  **\* *Thực hiện nhiệm vụ:*** Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **\* *Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định*:** Nhóm HS gửi lên lớp học ảo để GV, các nhóm khác cùng đọc góp ý, bổ sung dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 115 – 116). | Bài báo cáo nghiên cứu của các nhóm HS. |

**4. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:***

– Chỉ ra được ưu, nhược điểm trong báo cáo của nhóm bạn.

–Tự nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân trong quá trình học tập.

–Rút ra được kinh nghiệm khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá báo cáo của HS; kinh nghiệm HS về việc viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ:*** Nhóm HS:  (1) Dùng bảng kiểm (SGK/ tr. 115 – 116) để bình chọn một báo cáo tốt nhất.  (2) Nêu những điều học hỏi được từ nhóm bạn.  (3) Chỉ ra ít nhất một điểm cần chỉnh sửa về báo cáo của nhóm mình.  Cá nhân HS:  (4) Ghi lại ít nhất một kinh nghiệm của bản thân sau khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) 🡪 (3).  - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (4).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác tham gia trao đổi.  - 1 – 2 HS chia sẻ kinh nghiệm. Các HS khác bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | GV nhận xét 1 – 2 báo cáo tốt của HS trên hai phương diện:– Những ưu điểm cần phát huy và cần chỉnh sửa trong báo cáo của HS.– Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS. |

**D. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG**

***a. Mục tiêu:*** Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

***b. Sản phẩm:*** Phần chỉnh sửa, bổ sung của nhóm HS cho báo cáo.

***c. Tổ chức thực hiện:***

***\* Giao nhiệm vụ*:** Nhóm HS đọc lại báo cáo của mình để tự chỉnh sửa.

***\* Thực hiện nhiệm vụ*:** Nhóm HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS công bố báo cáo đã chỉnh sửa lần hai trên lớp học ảo.

***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét sản phẩm đã được chỉnh sửa lần hai, kết quả HS tự nhận ra và điều chỉnh hạn chế của bản thân trong quá trình học tập.

**NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 92: TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

*Thời gian thực hiện: 01 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

– Cách nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực đặc thù

– Nói: Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

– Nghe: Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

2.2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp, hợp tác.

**3. Về phẩm chất**:

Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ viết lông; SGK, SGV.

**2. Học liệu**

-SGK, SBT Ngữ văn 11.

-Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học.

**b. Nội dung:**

- GV cho HS xem video nói về “Tín chỉ carbon – xu hướng xanh vì tương lai” và đặt câu hỏi để gợi mở vấn đề.

<https://www.youtube.com/watch?v=LLjHMQ4N8mI>

<https://www.youtube.com/watch?v=GUpp7LM2fig>

*(Chú ý: GV có thể xem 1 phần video, không nhất thiết xem hết để tiết kiệm thời gian)*

- HS trả lời cá nhân trình bày suy nghĩ, cảm nhận sau khi xem video

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS đọc SGK, tr. 116 – 118 và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động gì?  Tình huống: Trường bạn tổ chức một buổi báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Đề tài nghiên cứu của nhóm bạn được chọn để báo cáo.  Nhiệm vụ: Bạn và các thành viên cần chuẩn bị để thực hiện những nhiệm vụ sau:  – Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm.  – Nhận xét, đánh giá nội dung và cách thức thuyết trình của các nhóm khác.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ. | Khi tham gia buổi trao đổi, em sẽ thực hiện một trong hai nhiệm vụ ứng với từng vai cụ thể như sau:  -Người trình bày: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội của nhóm.  -Người nghe: Nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình của các nhóm khác. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.Mục tiêu:**

– Trình bày được cách thức thực hiện kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

– Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

**b. Nội dung:** Đọc và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc nội dung hướng dẫn luyện tập kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội (SGK, tr. 116 – 118) và trả lời câu hỏi:  – Quy trình thực hiện kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội gồm mấy bước? Trình bày cách thức thực hiện ở từng bước.  – Trình bày quy trình nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình của các nhóm khác.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS và lưu ý:  – Quy trình thực hiện kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội gồm 3 bước: Chuẩn bị trình bày (xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời nói); Tìm ý và lập dàn ý (chuyển hoá nội dung bài viết thành dàn ý bài nói); Luyện tập; Trình bày bài thuyết trình và Trao đổi, đánh giá.  – Quy trình nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình gồm 3 bước: Chuẩn bị nghe; Nghe và nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình; Trao đổi, đánh giá. | 1. **Quy trình thực hiện kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội**   Bước 2: Trình bày bài thuyết trình  .............................................  .............................................  .............................................  Bước 1: Chuẩn bị trình bày  .............................................  .............................................  .............................................  Bước 3: Trao đổi, đánh giá  ...................................  ...................................  .............................................   1. **Quy trình nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình**   Bước 2:  Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình  .......................  ........................  .........................  Bước 1:  Chuẩn bị nghe  .......................  ........................  .........................  Bước 3:  Trao đổi, đánh giá  .......................  ........................  ......................... |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói, thời lượng của bài thuyết trình.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm báo cáo nghiên cứu một vấn đề tự nhiên, xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời về đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói, thời lượng của bài thuyết trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời vào vở đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói, thời lượng của bài báo cáo kết quả nghiên cứu.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận** :Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV sẽ kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết Luyện tập, trình bày ở lớp. | a. Chuẩn bị  \* Xác định yêu cầu của đề:  - Thao tác: báo cáo nghiên cứu  - Đề tài: Tác động của lối sống ít carbon đến cuộc sống của chúng ta  - Mục đích: những tác động của lối sống ít carbon  - Đối tượng: cô giáo và các bạn  - Thời lượng:7 đến 10 phút  \*Sản phẩm: Học sinh báo cáo ngắn gọn những sản phẩm video, tranh ảnh, dàn ý mà mình đã chuẩn bị ở nhà trước giờ học  b. Tìm ý và lập dàn ý:  Sản phẩm:  -Dàn ý thống nhất của nhóm trên khổ A1, A0, A4 hoặc trên bảng cá nhân. (Tùy theo điều kiện của từng lớp)  -Bài nói của cá nhân tại nhóm.  HS tham khảo dàn ý cô giáo chữa, chỉnh sửa, bổ sung dàn ý lần cuối trước khi thuyết trình.  d. Kiểm tra và chỉnh sửa  HS lắng nghe, ghi chép những bài học kinh nghiệm cho bản thân  \*Đối với hoạt động Nói:  -Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất cách xưng hô, chú ý giọng điệu phù hợp với vấn đề.  -Nói theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định.  -Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp  - Kết hợp trình bày với sử dụng tranh, ảnh, video để tăng sức hấp dẫn.  \*Đối với hoạt động nghe:  -Lắng nghe với thái độ tích cực, tôn trọng  -Biết cách ghi chép, nắm bắt thông tin.  - Phản hồi đúng trọng điểm và có ý nghĩa xây dựng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Mở đầu*** | Chào hỏi và tự giới thiệu. |  |  |
| Trình bày lí do chọn đề tài |  |  |
| Nêu được nhiệm vụ, mục đích, câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Trình bày được phương pháp và phạm vi nghiên cứu |  |  |
| ***Nội dung báo cáo*** | Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tảng cho đề tài |  |  |
| Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu |  |  |
| Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Đề xuất giải pháp cho vấn đề (nếu có) |  |  |
| ***Kết luận*** | Tóm lược kết quả nghiên cứu |  |  |
| Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có) |  |  |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe*** | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian quy định |  |  |
| Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp, hiệu quả. |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình báo cáo |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe. |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**

– Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác.

– Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để quay một đoạn video ngắn báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

**c. Sản phẩm:** Video báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

(1) Nhóm 2 HS: Lần lượt từng HS trình chiếu video báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã lập dàn ý và luyện tập ở nhà, HS còn lại lắng nghe, nhận xét ngắn gọn.

(2) Cá nhân HS trình bày trước toàn lớp bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1),(2).

**B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày video báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Các nhóm HS khác lắng nghe và nêu câu hỏi (nếu có).

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các nhóm HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá.

1. **Củng cố:**

- GV nhận xét, Kết luận theo thể loại kiến thức.

- GV kết thúc bài học.

**5. HDVN:**

- Ôn lại kiến thức đã học: Các nội dung liên quan đến bài nói và nghe trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

- Hoàn chỉnh các bài tập phần Luyện tập, Vận dụng (nếu chưa xong).

- Soạn bài – Ôn tập.